HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 58/2026/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Xét Tờ trình số 3258/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 854/BC-BPC ngày 15

tháng 7 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của điểm c, e khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Mức chi công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Các mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành, cụ thể như sau:

a) Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản) thực hiện theo các mức chi tương ứng được quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản và đội ngũ cộng tác viên, được thực hiện theo

quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

c) Đối với các khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

d) Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

đ) Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

2. Những khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị, tổ chức nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được phân bổ trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Những nội dung công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật đã thực hiện trước ngày nghị quyết này có hiệu lực mà chưa lập hồ sơ thanh toán quyết toán thì được áp dụng thanh toán quyết toán theo nghị quyết này.

5. Trong quá trình thực hiện, các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ 5 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026) thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu - Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- TT. Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT (Giàu).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nội dung chi, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
1	**Chi cho các thành viên tham gia họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật**				
a	Chủ trì	Người/buổi	150	120	
b	Tham dự	Người/buổi	100	80	
2	**Chi lấy ý kiến chuyên gia**	01 văn bản được xin ý kiến	1.200	960	
3	**Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật**				
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống văn bản định kỳ (05 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản, báo cáo định kỳ năm hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản				
-	Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh	01 báo cáo	5.600		
-	Báo cáo của các sở, ban, ngành tỉnh; Báo cáo của UBND cấp xã; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập	01 báo cáo	2.400	1.500	
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400	320	
4	**Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo** ***(trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).***	01 báo cáo	720	576	01 lần chỉnh lý

5	**Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng**	Mức chi thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp			
6	**Chi kiểm tra văn bản theo thẩm quyền được quy định tại Điều 15 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ**				
a	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	250		
b	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	500		
7	**Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội**	01 văn bản	200	160	
8	**Chi rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**	01 văn bản	300	240	
9	**Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản**				
a	Mức chi chung	01 văn bản	300	240	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	600	480	
10	**Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản**	01 văn bản	250	200	
11	**Chi kiểm tra lại kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP**	01 văn bản	150		
12	**Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản**				

a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	150	120	
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí...phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)	Mức chi theo chứng từ hợp pháp		
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	60	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
13	**Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:**	Mức chi theo chứng từ hợp pháp			
14	**Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản như**: Tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản và đội ngũ cộng tác viên; chi sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng; chi làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm và một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản	Chi theo thực tế thực hiện và mức chi theo quy định hiện hành tương tứng			